

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2017/KDTM-ST

Ngày: 09/3/2017.

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng
mua bán*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông LÊ XUÂN THI

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông NGUYỄN CHUNG

2. Bà LÊ THỊ HOA

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 3 năm 2017, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2016/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2016; Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐST- KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa 01/2017/QĐST-KDTM ngày 21/02/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn TY

Địa chỉ trụ sở: Số xx, đường TP, phường T, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T – Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số xx, đường LHP, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Theo văn bản ủy quyền số 03/2016/GUQ-TY ngày 07/4/2016; có mặt.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn TH

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố PĐ, phường NĐ, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Ph - Giám đốc công ty.

Địa chỉ: Tổ dân phố PĐ, phường NĐ, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2016, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Ngày 24 tháng 10 năm 2011, công ty trách nhiệm hữu hạn TY (Công ty TY) có ký với công ty trách nhiệm hữu hạn TH (Công ty TH) hợp đồng số 30/HĐKT-11 về việc “Cung cấp bê tông tươi cho nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp”. Trong thời gian đầu hai bên thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã ký kết nhưng từ tháng 05/2012 công ty TH đã có nhiều vi phạm trong việc thanh toán tiền mua hàng nên công ty TY ngừng cung cấp bê tông theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Vào ngày 11/5/2012, hai bên đã ký bản đối chiếu công nợ, theo đó công ty TH còn nợ số tiền là 208.815.000đ. Sau nhiều lần công ty TY yêu cầu thanh toán thì công ty TH có công văn phúc đáp sau:

+ Ngày 24/10/2012, công ty TH có văn bản số 05/2012/TH về việc thanh toán nợ, theo đó công ty Tấn Huy xác nhận còn nợ công ty TY số tiền 208.815.000đ và có kế hoạch trả nợ chậm dần trong vòng 05 tháng kể từ tháng 11/2012.

+ Đến ngày 07/01/2013, công ty TH có gửi công ty TY bảng kế hoạch trả nợ đối với số tiền trên trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày 31/01/2013. Tuy nhiên, sau đó công ty TH không trả tiền nợ cho công ty TY.

+ Đến ngày 12/06/2015, công ty TH có thanh toán 7.000.000đ cho công ty TY nên ngày 22/8/2015 đại diện hai bên có ký biên bản đối chiếu công nợ theo đó công ty TH còn nợ công ty TY 201.815.000đ.

Công ty TY đã nhiều lần yêu cầu công ty TH thanh toán số tiền nợ trên nhưng công ty TH không có thiện chí trả nợ, việc chậm trễ, trốn tránh trách nhiệm trả nợ của công ty TH đã gây khó khăn cho công ty TY. Do vậy, công ty TY yêu cầu công ty TH trả 201.815.000đ tiền nợ gốc, công ty TY không yêu cầu tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng công ty TY vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án thì giữa các bên đã ký kết hợp đồng mua bán bê tông tươi, trong quá trình thực hiện hợp đồng công ty TH đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền và hiện đang còn nợ công ty TY 201.815.000đ theo biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên. Do vậy, yêu cầu của công ty TY là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn công ty TY đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt công ty TH.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều VI của hợp đồng, công ty TY và công ty TH có thỏa thuận: “Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra tòa

án kinh tế - Tòa án tỉnh Khánh Hòa để xét xử”. Như vậy, các bên thống nhất lựa chọn Tòa án để giải quyết tranh chấp tuy thỏa thuận này là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng nguyên đơn đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa là đúng với thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết của các bên. Vì vậy, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đối với vụ án nêu trên.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu buộc công ty trách nhiệm hữu hạn TH trả 201.815.000đ của công ty trách nhiệm hữu hạn TY. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Hợp đồng mua bán bê tông tươi số 30/HĐKT-11 ngày 24/10/2011 được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định về hợp đồng mua bán của Luật thương mại nên Tòa án công nhận hợp đồng mua bán bê tông tươi được ký kết giữa các bên là hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ như: Hợp đồng kinh tế số 30/HĐKT-11 ngày 24/10/2011, các biên bản đối chiếu công nợ ngày 11/5/2012 và ngày 22/8/2015, kế hoạch trả nợ của công ty TH ngày 07/01/2013 và các tài liệu chứng cứ khác cho thấy:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán bê tông tươi số 30/HĐKT-11 công ty TH đã không thanh toán tiền hàng cho công ty TY kể từ tháng 5/2012, công ty TY đã nhiều lần yêu cầu nhưng công ty TH không thực hiện nghĩa vụ của mình. Việc công ty TH không thanh toán tiền là vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều II của hợp đồng mua bán mà hai bên đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại. Trong quá trình giải quyết vụ án công ty TH không có mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, yêu cầu của công ty TH buộc công ty TH trả 201.815.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của công ty TY được chấp nhận nên công ty TH phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ: $201.815.000đ \times 05\% = 10.090.750đ$

Hoàn lại cho công ty TY 5.045.375đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí của Chi cục Thi hành án thị xã Ninh Hòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 50 và Điều 317 Luật thương mại năm 2005; Điều 430, Điều 431 và Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn TH trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn TY số tiền 201.815.000đ (Hai trăm linh một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn TH phải chịu 10.090.750đ (Mười triệu không trăm chín mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn lại cho công ty trách nhiệm hữu hạn TY số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 5.045.375đ (Năm triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/0009332 ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Quy định chung:

- Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THA DS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Lê Xuân Thi